

Công ty Cổ phần Licogi 16

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Công ty Cổ phần Licogi 16

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 40

Công ty Cổ phần Licogi 16

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch	
Ông Vũ Công Hưng	Thành viên	
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên	
Ông Lê Văn Công	Thành viên	
Ông Budiman Satrio Sudono	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Tuấn	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Phí Ngọc Anh	Giám đốc Xây dựng	
Ông Hoàng Minh Khai	Giám đốc Bất động sản	bổ nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2015
Bà Cao Thị Mai Lê	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Dương Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 16

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 14.1 (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bùi Dương Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2015



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Building a better
working world

Số tham chiếu: 60992762/17793563/LR

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 16

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty"), được trình bày từ trang 4 đến trang 40 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó và báo cáo kết quả công tác soát xét của chúng tôi đề ngày 28 tháng 8 năm 2015 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.133.039.803.361	970.169.187.777
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	28.297.151.120	27.853.221.083
111	1. Tiền		22.297.151.120	27.153.221.083
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	700.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		842.917.554.716	649.378.598.424
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	520.445.138.566	309.374.014.420
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	104.449.489.488	82.029.074.748
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4.944.279.412	5.844.279.412
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	249.377.396.035	291.551.563.493
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(36.298.748.785)	(39.420.333.649)
140	III. Hàng tồn kho	9	237.537.240.100	276.165.991.566
141	1. Hàng tồn kho		237.537.240.100	276.165.991.566
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		24.287.857.425	16.771.376.704
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	9.278.313.821	13.515.116.433
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		15.009.543.604	3.256.260.271
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		830.613.721.814	835.701.341.067
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		71.261.073.938	64.061.073.938
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	71.259.073.938	64.059.073.938
216	2. Phải thu dài hạn khác		2.000.000	2.000.000
220	II. Tài sản cố định		60.145.510.119	52.549.983.474
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	52.474.167.160	44.279.539.193
222	Nguyên giá		363.495.564.174	347.369.376.171
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(311.021.397.014)	(303.089.836.978)
227	2. Tài sản vô hình	12	7.671.342.959	8.270.444.281
228	Nguyên giá		10.637.060.000	10.637.060.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.965.717.041)	(2.366.615.719)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		73.769.563.314	73.369.491.244
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	73.769.563.314	73.369.491.244
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	621.730.492.189	637.741.802.596
251	1. Đầu tư vào công ty con		186.375.588.336	185.035.588.336
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		571.448.701.758	572.948.701.758
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(136.093.797.905)	(120.242.487.498)
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.707.082.254	7.978.989.815
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.707.082.254	7.978.989.815
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.963.653.525.175	1.805.870.528.844

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		959.477.409.025	830.483.442.987
310	I. Nợ ngắn hạn		865.547.892.004	789.620.858.137
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	201.069.005.467	275.787.168.976
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	125.537.047.009	48.627.766.393
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	7.767.401.871	16.179.659.869
314	4. Phải trả người lao động		2.993.176.353	4.927.730.250
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	110.925.324.246	13.982.523.013
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	97.422.241.186	83.261.446.022
320	7. Vay ngắn hạn	20	299.858.095.200	325.189.129.942
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		19.975.600.672	21.665.433.672
330	II. Nợ dài hạn		93.929.517.021	40.862.584.850
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	65.443.351	65.443.351
338	2. Vay dài hạn	20	87.687.614.388	34.738.666.670
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	3.885.632.032	3.726.111.579
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		2.290.827.250	2.332.363.250
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.004.176.116.150	975.387.085.857
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	1.004.176.116.150	975.387.085.857
411	1. Vốn cổ phần		762.499.560.000	762.499.560.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		762.499.560.000	762.499.560.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		93.686.613.494	357.076.451.515
415	3. Cổ phiếu quỹ		(3.390.000)	(3.390.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		119.204.302.363	119.204.302.363
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỡ lũy kế)		28.789.030.293	(263.389.838.021)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỡ lũy kế đến cuối kỳ trước)		-	(290.860.214.679)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		28.789.030.293	27.470.376.658
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.963.653.525.175	1.805.870.528.844


Nguyễn Văn Việt
Người lập


Đinh Thị Hiền
Kế toán trưởng


Cao Thị Mai Lê
Giám đốc Tài chính


CÔNG TY
CỔ PHẦN
LICOGI 16
TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Dương Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	642.060.294.706	427.050.696.620
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(564.036.649.894)	(367.764.769.584)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.023.644.812	59.285.927.036
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	4.499.909.616	8.656.987.701
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(32.830.140.858) (16.978.830.451)	(23.735.938.591) (26.050.254.800)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(9.073.950.494)	(8.930.005.521)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(10.052.000.457)	(11.960.654.549)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.567.462.619	23.316.316.076
31	9. Thu nhập khác	26	3.564.278.450	5.646.865.993
32	10. Chi phí khác	26	(5.183.190.323)	(6.674.062.101)
40	11. Lỗ khác	26	(1.618.911.873)	(1.027.196.108)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.948.550.746	22.289.119.968
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.2	-	(13.999.167)
52	14. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	(159.520.453)	1.505.063.635
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		28.789.030.293	23.780.184.436


Nguyễn Văn Việt
Người lập


Đinh Thị Hiền
Kế toán trưởng


Cao Thị Mai Lệ
Giám đốc Tài chính


Bùi Dương Hùng
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		28.948.550.746	22.289.119.968
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	10.192.134.608	7.926.847.747
03	Dự phòng (hoàn nhập các khoản dự phòng)		12.729.725.543	(10.538.629.022)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.420.600.139)	(2.911.426.451)
06	Chi phí lãi vay	25	16.978.830.451	26.050.254.800
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		63.428.641.209	42.816.167.042
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(206.974.705.151)	9.315.101.249
10	Giảm hàng tồn kho		38.628.751.466	7.018.475.871
11	Tăng các khoản phải trả		111.330.859.794	70.932.785.779
12	Giảm chi phí trả trước		8.508.710.173	3.982.493.777
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.330.391.059)	(26.715.916.034)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.2	-	(21.736.528.552)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.689.833.000)	(1.033.390.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(4.097.966.568)	84.579.189.132
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(27.240.011.832)	(24.583.415.134)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		5.962.345.455	-
23	Tiền chi cho vay		(21.436.394.712)	-
24	Tiền thu cho vay		15.136.394.712	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.340.000.000)	(936.002.500)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.725.000.000	12.285.750.000
27	Tiền thu lãi cho vay		4.116.650.006	80.642.876
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(23.076.016.371)	(13.153.024.758)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		424.628.959.375	331.776.901.485
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(397.011.046.399)	(411.065.612.078)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		27.617.912.976	(79.288.710.593)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 198 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 190).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là Công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 14.1 (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Bất động sản tồn kho

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Quyền sử dụng đất;
- Chi phí xây dựng và phát triển dự án; và
- Chi phí vay, chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng và các chi phí khác có liên quan.

Chi phí hoa hồng không hoàn lại trả cho các đại lý tiếp thị hoặc bán hàng trong việc bán bất động sản được ghi nhận vào chi phí khi thanh toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán và chiết khấu cho giá trị thời gian của tiền tệ nếu trọng yếu, trừ chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Bất động sản tồn kho (tiếp theo)

Giá thành của hàng tồn kho ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương đối của bất động sản bán đi.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------------|---|---|
| Nguyên vật liệu | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan theo phương pháp bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ do có thời gian sử dụng lâu dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 11 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 4 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng và chuyển giao đất cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	262.607.868	159.554.029
Tiền gửi ngân hàng	22.034.543.252	26.993.667.054
Các khoản tương đương tiền (*)	6.000.000.000	700.000.000
TỔNG CỘNG	28.297.151.120	27.853.221.083

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại ngân hàng và hưởng lãi suất 0,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bên thứ ba	493.327.249.843	289.124.178.883
- Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	215.377.390.840	53.159.000.000
- Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	64.724.612.676	53.963.652.151
- Các khách hàng khác	213.225.246.327	182.001.526.732
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	<u>27.117.888.723</u>	<u>20.249.835.537</u>
TỔNG CỘNG	520.445.138.566	309.374.014.420
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(36.298.748.785)</u>	<u>(39.420.333.649)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>484.146.389.781</u>	<u>269.953.680.771</u>

Các khoản phải thu liên quan đến công trình Formosa đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 20).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Số đầu kỳ	39.420.333.649	36.162.518.065
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.878.415.136	1.000.000.000
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(5.000.000.000)</u>	<u>(800.000.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>36.298.748.785</u>	<u>36.362.518.065</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bên thứ ba	59.161.084.056	42.514.203.022
- Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	16.147.880.000	16.147.880.000
- Các nhà cung cấp khác	43.013.204.056	26.366.323.022
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	<u>45.288.405.432</u>	<u>39.514.871.726</u>
TỔNG CỘNG	<u>104.449.489.488</u>	<u>82.029.074.748</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Bên liên quan (Thuyết minh số 28) (*)	<u>4.944.279.412</u>	<u>5.844.279.412</u>
Dài hạn		
Bên liên quan (Thuyết minh số 28) (**)	<u>71.259.073.938</u>	<u>64.059.073.938</u>
TỔNG CỘNG	<u>76.203.353.350</u>	<u>69.903.353.350</u>

(*) Chi tiết khoản cho vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ		(%/năm)	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1				
Hợp đồng số 40/HĐ- Licogi16-Kto	<u>4.944.279.412</u>	12 tháng	9	Tin chấp

(**) Chi tiết khoản cho vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ		(%/năm)	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12				
Hợp đồng số 020/HĐ- Licogi16-Kto	<u>71.259.073.938</u>	18 tháng	9,5	Tin chấp

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tạm ứng vốn	170.600.445.479	205.813.366.720
Phải thu chuyển nhượng vốn	32.939.440.000	32.939.440.000
Tạm ứng	30.019.026.051	32.410.409.104
Phải thu lãi vay	4.114.129.503	4.018.179.893
Khác	<u>11.704.355.002</u>	<u>16.370.167.776</u>
TỔNG CỘNG	<u>249.377.396.035</u>	<u>291.551.563.493</u>
Trong đó		
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	153.100.445.479	168.900.183.788
Bên thứ ba	96.276.950.556	122.651.379.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

9. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bất động sản dở dang (*)	205.048.772.617	190.513.067.495
Các công trình xây dựng dở dang	16.994.834.571	65.461.815.420
Nguyên vật liệu xây dựng	8.199.159.623	15.391.828.648
Thành phẩm	3.466.194.347	-
Công cụ, dụng cụ	2.745.763.436	3.716.764.497
Hàng hóa bất động sản	1.082.515.506	1.082.515.506
TỔNG CỘNG	<u>237.537.240.100</u>	<u>276.165.991.566</u>

(*) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha	85.525.832.910	85.226.101.853
Khu dân cư Bảo Lộc 17ha	70.594.062.273	70.410.576.914
Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha	34.928.877.434	34.876.388.728
Khu dân cư Phước Thiện 33ha	14.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>205.048.772.617</u>	<u>190.513.067.495</u>

Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha và khu dân cư Bảo Lộc 17ha được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 20).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Phí tư vấn	4.353.580.602	9.094.167.351
Công cụ, dụng cụ ngắn hạn	4.924.733.219	4.420.949.082
	<u>9.278.313.821</u>	<u>13.515.116.433</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ dài hạn	3.597.487.134	7.803.831.074
Khác	109.595.120	175.158.741
	<u>3.707.082.254</u>	<u>7.978.989.815</u>
TỔNG CỘNG	<u>12.985.396.075</u>	<u>21.494.106.248</u>

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	685.198.283	318.637.557.637	26.030.184.920	2.016.435.331	347.369.376.171
Mua trong kỳ	-	3.843.045.455	14.923.960.730	-	18.767.006.185
Thanh lý	-	(2.640.818.182)	-	-	(2.640.818.182)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	685.198.283	319.839.784.910	40.954.145.650	2.016.435.331	363.495.564.174
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	227.621.493.269	1.609.896.727	549.612.602	229.781.002.598
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	(510.418.112)	(290.706.492.399)	(10.825.448.117)	(1.047.478.350)	(303.089.836.978)
Khấu hao trong kỳ	(13.591.330)	(6.664.136.775)	(2.839.011.744)	(76.293.437)	(9.593.033.286)
Thanh lý	-	1.661.473.250	-	-	1.661.473.250
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	(524.009.442)	(295.709.155.924)	(13.664.459.861)	(1.123.771.787)	(311.021.397.014)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	174.780.171	27.931.065.238	15.204.736.803	968.956.981	44.279.539.193
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	161.188.841	24.130.628.986	27.289.685.789	892.663.544	52.474.167.160

Trong đó:

Tài sản thế chấp
(Thuyết minh số 20)

161.188.841

-

-

-

161.188.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

12. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	VNĐ		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2015	972.000.000	9.665.060.000	10.637.060.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	(2.366.615.719)	(2.366.615.719)
Hao mòn trong kỳ	-	(599.101.322)	(599.101.322)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	-	(2.965.717.041)	(2.965.717.041)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	972.000.000	7.298.444.281	8.270.444.281
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	972.000.000	6.699.342.959	7.671.342.959
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 20)</i>	972.000.000	-	972.000.000

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất của lô đất tọa lạc tại số 49B Đường Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh không được khấu trừ do có thời gian sử dụng lâu dài.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Trường Cao đẳng nghề Licogi	72.317.535.759	72.249.789.211
Khác	1.452.027.555	1.119.702.033
TỔNG CỘNG	73.769.563.314	73.369.491.244

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 14.1</i>)	186.375.588.336	185.035.588.336
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 14.2</i>)	571.448.701.758	572.948.701.758
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(136.093.797.905)</u>	<u>(120.242.487.498)</u>
TỔNG CỘNG	<u>621.730.492.189</u>	<u>637.741.802.596</u>

14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Điện Phước	76.438.675.836	95	75.098.675.836	95
Công ty TNHH Siêu Thành	60.000.000.000	100	60.000.000.000	100
Công ty Cổ phần Licogi 166	<u>49.936.912.500</u>	56,68	<u>49.936.912.500</u>	56,68
TỔNG CỘNG	<u>186.375.588.336</u>		<u>185.035.588.336</u>	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(7.400.747.073)</u>		<u>(7.521.908.405)</u>	
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>178.974.841.263</u>		<u>177.513.679.931</u>	

Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Điện Phước (“Điện Phước”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“Giấy chứng nhận”) số 4102022453 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2004 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Điện Phước có trụ sở đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Điện Phước là đầu tư và phát triển khu dân cư.

Công ty TNHH Siêu Thành (“Siêu Thành”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận số 4102061411 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 5 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Siêu Thành có trụ sở đăng ký tại số 24A Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Siêu Thành là kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

Công ty Cổ phần Licogi 166 (“Licogi 166”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận số 0103017362 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 5 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Licogi 166 có trụ sở đăng ký tại Tầng 4, Tòa nhà 34, Ngõ 164, Đường Khuất Duy Tiến, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của Licogi 166 là thi công xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng.

Công ty Cổ phần Licogi 16

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
		VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội	Đầu tư và xây dựng khu dân cư để bán và cho thuê	308.500.528.000	30,00	308.500.528.000	30,00
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học bio-ethanol, bio-diesel	123.508.733.758	22,00	123.508.733.758	22,00
Công ty Cổ phần BOT 38	Đầu tư và phát triển hạ tầng	72.500.000.000	29,00	72.500.000.000	29,00
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Đầu tư xây dựng khu dân cư	42.939.440.000	40,00	42.939.440.000	40,00
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Gia công và chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng	12.000.000.000	46,15	12.000.000.000	46,15
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp	4.500.000.000	30,00	6.000.000.000	40,00
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Tư vấn, thiết kế và giám sát xây dựng	4.000.000.000	36,36	4.000.000.000	36,36
Công ty Cổ phần Điện Lực Licogi 16	Thi công lắp đặt các hệ thống điện	3.500.000.000	40,17	3.500.000.000	40,17
TỔNG CỘNG		571.448.701.758		572.948.701.758	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(128.693.050.832)		(112.720.579.093)	
GIÁ TRỊ THUẬN		442.755.650.926		460.228.122.665	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	112.624.676.970	134.708.440.981
Bên thứ ba	88.444.328.497	141.078.727.995
TỔNG CỘNG	<u>201.069.005.467</u>	<u>275.787.168.976</u>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bên thứ ba	68.978.992.291	47.127.766.393
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	56.558.054.718	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	<u>125.537.047.009</u>	<u>48.627.766.393</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Thuế giá trị gia tăng	8.077.894.807	7.973.985.561	15.935.487.116	116.393.252
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	6.028.349.208	-	-	6.028.349.208
Thuế thu nhập cá nhân	1.336.333.944	528.257.028	979.013.471	885.577.501
Thuế nhà thầu	732.683.354	-	-	732.683.354
Khác	4.398.556	-	-	4.398.556
TỔNG CỘNG	<u>16.179.659.869</u>	<u>8.502.242.589</u>	<u>16.914.500.587</u>	<u>7.767.401.871</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí dự án các công trình xây dựng	109.440.791.858	13.304.268.548
Lương tháng 13	1.157.838.531	-
Lãi vay	326.693.857	678.254.465
TỔNG CỘNG	<u>110.925.324.246</u>	<u>13.982.523.013</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Phạt thuế	52.314.862.932	52.314.862.932
Nhận tạm ứng vốn	40.377.501.938	26.771.035.123
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.601.658.888	828.878.293
Khác	3.128.217.428	3.346.669.674
	<u>97.422.241.186</u>	<u>83.261.446.022</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	65.443.351	65.443.351
	<u>97.487.684.537</u>	<u>83.326.889.373</u>
TỔNG CỘNG		
<i>Trong đó</i>		
<i>Bên thứ ba</i>	78.025.264.188	77.470.935.839
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	19.462.420.349	5.855.953.534

20. VAY

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay ngắn hạn	299.858.095.200	325.189.129.942
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	279.080.317.422	322.633.574.388
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 20.3 và 28)	4.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	16.777.777.778	2.555.555.554
Vay dài hạn	104.465.392.166	37.294.222.224
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	45.890.388.893	37.294.222.224
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 20.3 và 28)	58.575.003.273	-
<i>Trong đó</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	16.777.777.778	2.555.555.554
<i>Vay dài hạn</i>	87.687.614.388	34.738.666.670
	<u>387.545.709.588</u>	<u>359.927.796.612</u>
TỔNG CỘNG		

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 06-09.13/HĐTDHM/TPB.HCM	118.649.908.533	Từ ngày 7 tháng 7 năm 2015 đến ngày 21 tháng 3 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	9 - 9,5	Các khoản phải thu liên quan đến công trình Formosa (Thuyết minh số 5)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn					
Hợp đồng vay số 775/2013/HĐ	84.982.848.791	Từ ngày 12 tháng 8 năm 2015 đến ngày 25 tháng 1 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	8 - 9,5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha, Quyên sử dụng đất tại phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng thuộc dự án Khu dân cư Bảo Lộc 17ha (Thuyết minh số 9)

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn

Hợp đồng vay số 6220-LAV-201301197/HĐTD

Ngày 12 tháng 2 năm 2016

Tài trợ vốn lưu động

9,5

Dự án Chung cư Nam An thuộc sở hữu của Siêu Thành

279.080.317.422

TỔNG CỘNG

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Hợp đồng số 01/14-11.11/HĐTDHM/TPB.HCM	34.000.000.000	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2015 đến ngày 5 tháng 7 năm 2016	Tài trợ vốn lưu động	10	Quyền sử dụng đất và tòa nhà tọa lạc tại số 49B Đường Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 12); và tài sản thuộc sở hữu của ông Bùi Dương Hùng bao gồm 1.000.000 cổ phiếu của Công ty
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	16.777.777.778				
Hợp đồng vay số 03-04.13/HĐTDTH/TPB.HCM	11.248.000.000	Ngày 14 tháng 5 năm 2018	Thanh toán tiền mua 8 chiếc xe Tata Dea Woo	10	Các khoản phải thu liên quan đến công trình Formosa (Thuyết minh số 5)
Hợp đồng số 07-03.15/HĐTDTH/TPBANK.HCM	403.333.333	Ngày 20 tháng 3 năm 2018	Thanh toán tiền mua xe Ford Ranger	10	
Hợp đồng số 08-09.13/HĐTDTH/TPB.HCM	239.055.560	Ngày 21 tháng 8 năm 2017	Tài trợ công trình Formosa	9,8	
TỔNG CỘNG	45.890.388.893				
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả Vay dài hạn	16.777.777.778 29.112.611.115				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Các khoản vay bên liên quan

(*) Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ông Bùi Dương Hùng	<u>4.000.000.000</u>	12 tháng	Tài trợ vốn lưu động	Không lãi suất	Tin chấp

(**) Chi tiết khoản vay dài hạn từ bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần BOT 38	<u>58.575.003.273</u>	Ngày kết thúc giai đoạn đầu tư dự án	Tài trợ công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A	Không lãi suất	Tin chấp

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỡ lũy kế)	Tổng cộng
							VNĐ
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	562.499.560.000	409.696.951.515	(3.390.000)	76.260.604.628	42.943.697.735	(290.860.214.679)	800.537.209.199
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	23.780.184.436	23.780.184.436
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	562.499.560.000	409.696.951.515	(3.390.000)	76.260.604.628	42.943.697.735	(267.080.030.243)	824.317.393.635
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại - <i>Thuyết minh</i> số 30) (*)	762.499.560.000	357.076.451.515	(3.390.000)	119.204.302.363	-	(263.389.838.021)	975.387.085.857
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	28.789.030.293	28.789.030.293
Xóa lỗ lũy kế bằng thặng dư vốn cổ phần (**)	-	(263.389.838.021)	-	-	-	263.389.838.021	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	-	28.789.030.293	1.004.176.116.150

(*) Trong kỳ, Công ty đã chuyển toàn bộ số dư đầu kỳ quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển theo hướng dẫn của Thông tư 200.

(**) Trong kỳ, Công ty đã xóa lỗ lũy kế bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 19 tháng 4 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>762.499.560.000</u>	<u>562.499.560.000</u>

21.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	76.249.956	56.249.956
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	76.249.956	56.249.956
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu quỹ	(338)	(338)
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu đang lưu hành	76.249.618	56.249.618
Cổ phiếu phổ thông		

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Doanh thu dịch vụ xây dựng	624.299.113.823	413.752.964.563
Doanh thu bán hàng	17.443.869.517	9.753.313.318
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	317.311.366	2.677.829.648
Doanh thu bất động sản	-	866.589.091
TỔNG CỘNG	<u>642.060.294.706</u>	<u>427.050.696.620</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)	39.042.171.112	5.413.219.426
Doanh thu đối với bên thứ ba	603.018.123.594	421.637.477.194

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.713.849.616	6.265.676.451
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	225.000.000	2.343.750.000
Khác	561.060.000	47.561.250
TỔNG CỘNG	<u>4.499.909.616</u>	<u>8.656.987.701</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Giá vốn dịch vụ xây dựng	547.079.307.109	356.364.762.385
Giá vốn hàng bán	16.943.751.455	9.757.625.618
Giá vốn dịch vụ khác	13.591.330	839.425.065
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	802.956.516
TỔNG CỘNG	<u>564.036.649.894</u>	<u>367.764.769.584</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lãi vay	16.978.830.451	26.050.254.800
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính dài hạn	15.851.310.407	(8.012.316.209)
Lỗ từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	5.698.000.000
TỔNG CỘNG	<u>32.830.140.858</u>	<u>23.735.938.591</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí hoa hồng tư vấn	8.197.434.528	8.674.968.124
- Chi phí khác	876.515.966	255.037.397
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí lương	6.262.819.447	6.444.949.474
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.541.786.935	804.425.474
- Chi phí dự phòng	1.878.415.136	1.000.000.000
- Chi phí khấu hao	915.079.047	1.260.523.179
- Chi phí khác	3.453.899.892	3.250.756.422
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	<u>(5.000.000.000)</u>	<u>(800.000.000)</u>
TỔNG CỘNG	<u>19.125.950.951</u>	<u>20.890.660.070</u>

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Thu nhập khác	3.564.278.450	5.646.865.993
Phí bảo lãnh	1.923.748.044	1.744.814.724
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	983.000.523	-
Khác	657.529.883	3.902.051.269
Chi phí khác	(5.183.190.323)	(6.674.062.101)
Chi phí khấu hao của tài sản cố định ngưng sử dụng	(3.182.373.495)	(3.133.631.482)
Phí bảo lãnh	(1.275.198.733)	(1.144.102.112)
Khác	<u>(725.618.095)</u>	<u>(2.396.328.507)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>(1.618.911.873)</u>	<u>(1.027.196.108)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	13.999.167
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	159.520.453	(1.505.063.635)
TỔNG CỘNG	159.520.453	(1.491.064.468)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế ước tính:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.948.550.746	22.289.119.968
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	15.851.310.407	(8.012.316.209)
Chi phí không được khấu trừ	3.182.373.495	3.170.822.282
Thay đổi lãi cho vay dự thu	(3.858.724.451)	6.841.198.342
Thay đổi dự phòng phải thu khó đòi	(3.121.584.864)	200.000.000
Cổ tức nhận được	(498.750.000)	
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	(41.536.000)	(22.747.125)
Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.726.312.813)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	40.461.639.333	21.739.764.445
Lỗ năm trước chuyển sang	(40.461.639.333)	(21.676.131.870)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	-	63.632.575
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	-	13.999.167
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	6.028.349.208	37.746.157.154
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(21.736.528.552)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	6.028.349.208	16.023.627.769

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Chênh lệch chi phí khấu hao	(689.398.926)	(1.378.797.852)	689.398.926	-
Lãi cho vay dự thu	(3.196.233.106)	(2.347.313.727)	(848.919.379)	1.505.063.635
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(3.885.632.032)	(3.726.111.579)		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			(159.520.453)	1.505.063.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.4 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau do tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai:

VNĐ

Các chênh lệch tạm thời

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	136.093.797.905
Dự phòng phải thu khó đòi	36.298.748.785
Lỗi chuyển sang từ các năm trước	20.498.415.364
Trợ cấp thôi việc phải trả	2.290.827.250
TỔNG CỘNG	<u>195.181.789.304</u>

Lỗi chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 20.498.415.364 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 60.960.054.697 VNĐ) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VNĐ

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ	Không	Chưa chuyển lỗ
			đến ngày 30 tháng 6 năm 2015	được chuyển lỗ	tại ngày 30 tháng 6 năm 2015
2013	2018	83.297.916.546	(62.799.501.182)	-	20.498.415.364

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	96.418.354.270
		cung cấp cho Công ty	46.561.000.000
		Tạm ứng	1.964.159.407
		Phí bảo lãnh	498.750.000
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận	60.889.003.273
		Vay	55.058.054.718
		Nhận tạm ứng	26.272.530.900
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Doanh thu công trình	70.185.843.907
		Dịch vụ xây dựng	6.458.216.782
		cung cấp cho Công ty	353.013.435
		Bán nguyên vật liệu	
		Lãi cho vay	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm: (tiếp theo)

			VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	23.636.287.600
		cung cấp cho Công ty	13.606.466.815
		Nhận tạm ứng	
		Mua nguyên vật liệu	5.283.984.194
		và chi phí thuê máy	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Cho vay	10.600.000.000
		Doanh thu công trình	6.311.423.430
		Lãi cho vay	3.133.743.452
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	2.827.913.924
Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Điện Phước	Công ty con	Góp vốn	1.340.000.000
Công ty TNHH Siêu Thành	Công ty con	Tạm ứng	200.000.000
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Vay	4.000.000.000

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

			VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	99.987.822.465
		cung cấp cho Công ty	1.596.084.224
		Phí bảo lãnh	
		Doanh thu thuê văn phòng, tiền điện	231.678.546
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	26.264.837.114
		cung cấp cho Công ty	5.181.540.880
		Bán nguyên vật liệu	881.312.090
		Lãi cho vay	68.875.500
		Phí bảo lãnh	
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	17.798.330.000
		và chi phí thuê máy	
		Dịch vụ xây dựng	6.549.110.790
		cung cấp cho Công ty	
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Vay	16.850.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Lãi cho vay	4.345.163.899

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu (phải trả)		VNĐ
			Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	14.938.514.268	-	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	7.703.862.629	761.296.857	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	2.785.005.223	692.529.875	
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cho thuê	1.321.425.440	1.321.425.440	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	369.081.163	17.120.048.627	
Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	-	150.000.000	
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	-	109.659.738	
Công ty Cổ phần Cơ Khí Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	-	94.875.000	
TỔNG CỘNG			27.117.888.723	20.249.835.537	
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	25.663.635.643	9.634.476.218	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	9.993.315.514	13.236.941.233	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	5.911.525.352	12.923.525.352	
Công ty Cổ phần Cơ Khí Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	3.719.928.923	3.719.928.923	
TỔNG CỘNG			45.288.405.432	39.514.871.726	

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu (phải trả)		VNĐ
			Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
Phải thu cho vay					
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Cho vay	71.259.073.938	64.059.073.938	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Cho vay	4.944.279.412	5.844.279.412	
TỔNG CỘNG			76.203.353.350	69.903.353.350	
Phải thu ngắn hạn khác					
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Tạm ứng	123.122.299.960	124.288.556.508	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Tạm ứng	12.640.243.925	21.336.696.544	
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Tạm ứng	10.495.891.968	16.632.921.110	
Công ty TNHH Siêu Thành	Công ty con	Tạm ứng	6.802.679.777	6.602.679.777	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Phí bảo lãnh	39.329.849	39.329.849	
TỔNG CỘNG			153.100.445.479	168.900.163.788	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	(49.490.251.570)	(61.390.496.170)	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(46.774.972.952)	(47.191.424.583)	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(8.865.951.872)	(19.493.752.859)	
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(7.115.275.000)	(118.761.000)	
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(378.225.576)	(6.514.006.369)	
TỔNG CỘNG			(112.624.676.970)	(134.708.440.981)	

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu (phải trả)		VNĐ
			Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty liên kết	Tạm ứng	(55.058.054.718)	-	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Tạm ứng	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)	
TỔNG CỘNG			(56.558.054.718)	(1.500.000.000)	
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>					
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty con	Tạm ứng	(14.206.466.815)	(600.000.000)	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Tạm ứng	(5.130.953.534)	(5.130.953.534)	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Tạm ứng	(125.000.000)	(125.000.000)	
TỔNG CỘNG			(19.462.420.349)	(5.855.953.534)	
<i>Vay</i>					
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty liên kết	Vay	(58.575.003.273)	-	
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Vay	(4.000.000.000)	-	
TỔNG CỘNG			(62.575.003.273)	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lương và thưởng	<u>198.000.000</u>	<u>1.769.601.710</u>

29. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Đến 1 năm	1.221.000.000	1.221.000.000
Trên 1 đến 5 năm	<u>4.070.000.000</u>	<u>4.680.500.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.291.000.000</u>	<u>5.901.500.000</u>

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm nay. Chi tiết như sau

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Ngày 31 tháng 2 năm 2014 (được trình bày lại)</i>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	5.844.279.412	5.844.279.412
Phải thu ngắn hạn khác	326.627.970.144	(35.076.406.651)	291.551.563.493
Tài sản ngắn hạn khác	34.826.946.699	(34.826.946.699)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	64.059.073.938	64.059.073.938
Phải thu dài hạn khác	-	2.000.000	2.000.000
Tài sản dài hạn khác	2.000.000	(2.000.000)	-
Phải trả dài hạn khác	2.397.806.601	(2.332.363.250)	65.443.351
Dự phòng phải trả dài hạn	-	2.332.363.250	2.332.363.250
Quỹ đầu tư phát triển	76.260.604.628	42.943.697.735	119.204.302.363
Quỹ dự phòng tài chính	42.943.697.735	(42.943.697.735)	-








THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 3 tháng 8 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 780.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Licogi 166") cho các nhà đầu tư khác, giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Licogi 166 từ 56,68% xuống còn 46,61%. Theo đó, Licogi 166 không còn là công ty con của Công ty từ ngày này.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

 _____ Nguyễn Văn Việt Người lập	 _____ Đinh Thị Hiền Kế toán trưởng	  _____ Cao Thị Mai Lê Giám đốc Tài chính	 _____ Bùi Dương Hùng Tổng Giám đốc
--	---	--	---

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

